

Bản án số: 21/2024/HS-ST  
Ngày: 23-01- 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH Đ**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Quân Thu Thảo - Thư ký tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bá Th (tên gọi khác: không), sinh năm 1996 tại tỉnh Th; Nơi đăng ký thường trú: Thôn X, xã D, huyện S, tỉnh Th; Chỗ ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Bá Tr và bà Nguyễn Thị Ng; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 07/6/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N khởi tố về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 08/11/2023, hiện đang bị giam tạm tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N (có mặt).

2. Vũ Văn H (tên gọi khác: không), sinh năm 1990 tại tỉnh B; Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện G, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã P, huyện L, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn X và bà Giáp Thị R; có vợ Nguyễn Thị D, có 04 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020).

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Bị hại: Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Nguyễn Hữu Cảnh, khu trung tâm hành chính huyện N, huyện N, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Ngọc H1, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tr, xã X, thị xã S, tỉnh P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào cuối năm 2022, anh Lê Ngọc H1 vay của Nguyễn Bá Th số tiền 5.000.000 đồng, do chưa có tiền trả nên anh H1 đã đưa cho Th giữ 01 sổ bảo hiểm xã hội và 01 căn cước công dân số 054095005742 để làm tin, sau này có tiền H1 sẽ chuộc lại. Vào tháng 07/2023, do không có việc làm và không có tiền tiêu xài nên Th đã nảy sinh ý định làm giả giấy tờ, giả mạo chữ ký của anh H1 để nộp vào Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đ nhằm chiếm đoạt tiền Bảo hiểm xã hội chi trợ cấp Bảo hiểm xã hội 1 lần. Ngày 13/7/2023, Th lấy căn cước công dân của anh H1 đăng ký xác nhận thông tin về cư trú tại Công an thị trấn H, huyện N. Đến ngày 04/8/2023, Th mang căn cước công dân, sổ bảo hiểm xã hội, giấy xác nhận cư trú của anh H1 đến Bảo hiểm xã hội huyện N nộp vào để làm thủ tục nhận tiền chi trợ cấp Bảo hiểm xã hội 01 lần. Sau khi làm xong thủ tục, nhân viên Bảo hiểm xã hội huyện N đưa cho Th giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả vào ngày 11/8/2023.

Ngày 10/8/2023, Th điện thoại cho Vũ Văn H để bàn bạc, thống nhất là H sẽ đi cùng Th đến bảo hiểm xã hội Nhơn Trạch và H sẽ là người giả chữ ký của anh H1 ký vào phiếu chi vì Th thấy khuôn mặt của H giống hình trong căn cước công dân của H1 thì nhân viên của Bảo hiểm xã hội sẽ không nhận ra. Sau khi bàn bạc, H đồng ý. Đến khoảng 09 giờ ngày 11/8/2023 Th và H có mặt tại bộ phận tiếp nhận trả hồ Bảo hiểm xã hội huyện N thì được nhân viên đưa cho 01 phiếu chi số 00195 ngày 11/8/2023 đứng họ, tên người nhận tiền Lê Ngọc H1, nội dung: Chi trợ cấp BHXH 1 lần theo QĐ 4591. Như đã bàn bạc và thống nhất từ trước nên H đã đọc và ký giả mạo chữ ký của Lê Ngọc H1 vào phiếu chi số 00195. Sau khi hoàn tất thủ tục thì nhân viên thủ quỹ của Bảo hiểm xã hội huyện N đưa cho H số tiền 26.712.000 đồng, H đưa cho Th cất giữ số tiền trên và chuẩn bị ra về thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N kiểm tra phát hiện, bắt quả tang.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 Phiếu chi số 00195, mang họ tên người nhận tiền Lê Ngọc H1 đề ngày 11/8/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đ (lưu tại hồ sơ).

+ 01 đơn đề nghị, đứng tên: Lê Ngọc H1 đề ngày 04/8/2023 (lưu tại hồ sơ).

+ 01 giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả số 101659/2023/07511/TB, Mã hồ sơ: 52414.G/2023/07511, đề ngày 04/8/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đ (lưu tại hồ sơ).

+ 01 giấy xác nhận thông tin về cư trú số 1342/XN ngày 13/7/2023 đứng tên Lê Ngọc H1 (lưu tại hồ sơ).

+ 01 quyết định số 4591/QĐ-BHXH ngày 07/8/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đ về việc hưởng Bảo hiểm xã hội 01 lần, mã số BHXH: 5420209346 (lưu tại hồ sơ).

+ 01 bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội, mã số BHXH: 5420209346 đứng tên Lê Ngọc H1 (lưu tại hồ sơ).

+ Số tiền 26.712.000 đồng.

+ 01 sổ Bảo hiểm xã hội mang họ tên Lê Ngọc H1, mã số: 5420209346 cấp lần 2 và 01 căn cước công dân số 054095005742 mang họ tên Lê Ngọc H1 cấp ngày 08/7/2023.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng của Nguyễn Bá Th.

\* Tại bản kết luận giám định số 2116/KL-KTHS ngày 17/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

Chữ ký mang tên Lê Ngọc H1 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A4) so với chữ ký mang tên Lê Ngọc H1 trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một người ký ra;

Chữ ký mang tên Phạm Lý Hoàng Đ trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký mang tên Phạm Lý Hoàng Đ trên tài liệu nêu ở phần so sánh (ký hiệu M3) do cùng một người ký ra;

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Phạm Lý Hoàng Đ trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký mang tên Phạm Lý Hoàng Đ trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M3) có phải do một người ký ra hay không;

Hình dấu tròn Bảo hiểm xã hội huyện N-Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ-Bảo hiểm xã hội Việt Nam trên tài liệu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A3) so với dấu tròn Bảo hiểm xã hội huyện N-Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ-Bảo hiểm xã hội Việt Nam trên tài liệu nêu ở phần so sánh (ký hiệu M3) do cùng một con dấu đóng ra.

\* Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSNT ngày 04/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ truy tố Nguyễn Bá Th và Vũ Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị: Bị cáo Nguyễn Bá Th, Vũ Văn H có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội nên có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Th từ 14 đến 16 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 12 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng của Nguyễn Bá Th dùng vào việc phạm tội để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo Nguyễn Bá Th, Vũ Văn H không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào ngày 11/8/2023, tại Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đ, Nguyễn Bá Th và Vũ Văn H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 26.712.000 đồng Bảo hiểm xã hội huyện N thì bị phát hiện xử lý. Bị cáo Nguyễn Bá Th, Vũ Văn H có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Vì vậy có đủ căn cứ và cơ sở xác định hành vi của các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng số 22/CT-VKSNT ngày 04/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo Nguyễn Bá Th, Vũ Văn H là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Bá Th có nhân thân xấu, bị cáo Vũ Văn H chưa có tiền án tiền sự.

Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo Th, H nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Xét vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Bá Th giữ vai trò khởi xướng và rủ rê H thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo H giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho Th.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Bá Th đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) cho bị cáo. Còn bị cáo H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để thể hiện tính nhân đạo của chính sách pháp luật hình sự.

Xét thấy bị cáo Nguyễn Bá Th đã bị khởi tố về hành vi đánh bạc, trong thời gian tại ngoại lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bị cáo không biết hối cải, xem thường pháp luật nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe.

Đối với bị cáo Vũ Văn H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm gì thể hiện việc tự cải tạo bản thân tốt nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, Bảo hiểm xã hội N không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng của Nguyễn Bá Th là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

- Số tiền 26.712.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xử lý vật chứng trả lại cho cho Bảo hiểm xã hội huyện N, tỉnh Đ là phù hợp.

- 01 sổ Bảo hiểm xã hội đứng tên Lê Ngọc H1, mã số: 5420209346 và 01 căn cước công dân số 054095005742 của Lê Ngọc H1 cấp ngày 08/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh Lê Ngọc H1 là phù hợp pháp luật.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 326, 327 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá Th, Vũ Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Th 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng Nguyễn Bá Th.

(Vật chứng trên hiện Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N đang tạm giữ theo biên bản giao nhận ngày 09/01/2024).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Nguyễn Bá Th, Vũ Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Bá Th, Vũ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bảo hiểm xã hội N và anh Lê Ngọc H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**